

Số: 903 /QĐ-TCTHK-TCKT

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc áp dụng hóa đơn điện tử đối với dịch vụ vận tải hành khách
cho đại lý trong nước**

**TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

Căn cứ Giấy đăng ký kinh doanh số 0100107518 của Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 08/07/2016;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Tài chính- Kế toán Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng hình thức hóa đơn điện tử đối với dịch vụ vận tải hành khách cho đại lý trong nước tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (Vietnam Airlines) từ ngày 01/10/2018.

Điều 2. Loại, mẫu, hình thức hoá đơn và mục đích sử dụng:

- Loại hoá đơn: "Hóa đơn giá trị gia tăng" (tiếng Anh: "VAT Invoice/Receipt").
- Mẫu hóa đơn: kèm theo quyết định này.
- Hình thức hóa đơn: hóa đơn điện tử.
- Mục đích sử dụng: Dùng để lập và giao cho các đại lý trong nước có ký kết hợp đồng đại lý bán vé máy bay với Vietnam Airlines.

Điều 3. Quy trình khởi tạo, lập, luân chuyển và lưu trữ dữ liệu hóa đơn trong TCT:

- Căn cứ vào số liệu bán vé của các đại lý trên hệ thống đặt giữ chỗ và xuất vé, Vietnam Airlines sẽ chuyển toàn bộ dữ liệu bán vé phát sinh trong kỳ báo cáo của đại lý sau khi được kiểm soát và xử lý trên hệ thống kế toán doanh thu, đảm bảo chính xác và kịp thời vào hệ thống xuất hóa đơn sau 10 ngày kể từ ngày cuối cùng của kỳ báo cáo;

- Căn cứ vào Bảng kê chênh lệch (ADM/ACM) do Công ty cổ phần tin học và viễn thông Hàng không (AITS) lập.

Hàng kỳ, các Chi nhánh TCTHKVN - CTCP khu vực Miền Bắc, Miền Trung, Miền Nam của Vietnam Airlines lập hóa đơn điện tử gửi cho đại lý, kèm theo "Bảng kê thu bán chứng từ vận chuyển hành khách" (Sale Invoice/Receipt reference) hoặc "Bảng kê điều chỉnh thu bán chứng từ vận chuyển hành khách" (ADM/ACM reference) đối với hóa đơn điều chỉnh.

- Toàn bộ các thông tin về hóa đơn sẽ được lưu trữ trên hệ thống cơ sở dữ liệu của Vietnam Airlines dưới định dạng PDF và XML. Đảm bảo tính bảo mật và phục vụ công tác truy soát sau này.

Điều 4. Trách nhiệm của các Ban, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc liên quan việc tạo, lập, luân chuyển và lưu trữ hóa đơn điện tử đối với dịch vụ vận chuyển hành khách:

- Ban CNTT đảm bảo về mặt hệ thống, cơ sở hạ tầng và ký hợp đồng với AITS đảm bảo xây dựng và vận hành chương trình hóa đơn, tổ chức lưu trữ dữ liệu theo đúng qui định của Nhà nước hiện hành.

- Các Chi nhánh TCTHKVN-CTCP Miền Bắc, Miền Trung và Miền Nam hàng kỳ thay mặt TCT xuất hóa đơn cho các đại lý, xử lý và ký Biên bản hủy/điều chỉnh hóa đơn nếu có phát sinh. Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cho Ban TCKT theo quy định.

- Ban TCKT thực hiện đăng ký phát hành hóa đơn, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cho Cục thuế Hà Nội theo quy định.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2018. Thủ trưởng đơn vị, cán bộ các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục thuế Hà Nội;
- Như điều 4 (để thực hiện);
- Lưu.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
Dương Trí Thành

Nơi xuất hóa đơn (Issuing Office):
Địa chỉ (Address):

Mẫu số (Form No.) : 01GTTK0/008
Ký hiệu (Serial No.) : HK/18E
Số (Invoice No.) : xxxxxxxx

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE/RECEIPT)

Ngày (Date) Tháng (Month) Năm (Year)

MẪU

Đơn vị bán hàng (Seller): Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (Vietnam Airlines JSC)
Mã số thuế (VAT code): 0100107518
Địa chỉ (Address): Số 200 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tên người mua (Customer):
Mã số thuế (VAT code):
Địa chỉ (Address):
Số bảng kê (Reference No):

Loại tiền (Currency): VNĐ

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng vé (Bán/Hoàn/ điều chỉnh)	Giá vé	Thuế suất GTGT	Thuế GTGT	Thuế khác	Phí	Tổng tiền thanh toán
Description of Goods, Services	Ticket Quantity (Sale/Refund/ Adjustment)	Fare	VAT Rate	VAT Payable	Other Tax	Charge	Total charges
Tổng cộng tiền bán vé (Total charges)							

Tổng tiền bằng chữ (Total in words):
Hình thức thanh toán (Form of payment):

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên - Signature & full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên - Signature & full name)

Nơi xuất hóa đơn (Issuing Office):
Địa chỉ (Address):

Hu số (Form No.) : 01GTKT0/008
Mã hiệu (Serial No.) : HK/18E
Số bảng kê (Ref No.)
Kèm theo HĐ số (Invoice No. Ref): , ngày (issuing date) / /

BẢNG KÊ
THU BÁN CHỨNG TỪ VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH
(SALE INVOICE/RECEIPT REFERENCE)

Đơn vị bán hàng (Seller): Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (Vietnam Airlines JSC)
Mã số thuế (VAT code): 0100107518
Địa chỉ (Address): Số 200 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tên người mua hàng (Customer):
Mã số thuế (VAT code):
Địa chỉ (Address):
Nội dung chi tiết (Due to Vietnam Airlines):

Loại tiền (Currency): VNĐ

Nội dung	Từ ngày	Đến ngày	Số báo cáo	Loại báo cáo	Kỳ báo cáo	Số lượng vé	Số lượng hủy	Số lượng hoàn	Giá vé	Thuế GTGT	Phụ phí	Thuế khác	Phí	Tiền thực thanh toán
Description	From	To	Ref No.	Report type	Perior	Ticket quantity	Void ticket quantity	Refund ticket quantity	Fare	VAT	YQ/YR	Other Tax	Charge	Net Settlement
Tổng tiền thanh toán (Total charges in VND)														

Tổng tiền bằng chữ (Total in words):
Hình thức thanh toán (Form of Payment):

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên - Signature & fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên - Signature & fullname)

Nơi xuất hóa đơn (Issuing Office):

Địa chỉ (Address):

Mẫu số (Form No.) : 01GTKT0/008

Số hiệu (Serial No.) : HK/18E

Số bảng kê (Ref No.)

Kèm theo HĐ số (Invoice No. Ref): , ngày (issuing date) / /

BẢNG KÊ
ĐIỀU CHỈNH THU BÁN CHỨNG TỪ VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH
(ADM/ACM REFERENCE)

Đơn vị bán hàng (Seller): Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP (Vietnam Airlines JSC)

Mã số thuế (VAT code): 0100107518

Địa chỉ (Address): Số 200 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tên người mua hàng (Customer):

Mã số thuế (VAT code):

Địa chỉ (Address):

Nội dung chi tiết (Due to Vietnam Airlines):

Loại tiền (Currency): VNĐ

Nội dung	Số hóa đơn	Tháng	Số báo cáo	Số Memo	Loại Memo	Loại Báo cáo	Giá vé	Thuế	Thuế GTGT	Phụ phí	Phí	Tiền thực thanh toán
Description	(Inv)	(Month)	(Ref No.)	(Memo No.)	(Memo type)	(Type)	(Fare)	(Tax)	(VAT)	YQ/YR	(Charge)	(Net settlement)
Tổng tiền thanh toán (Total charges in VND)												

Tổng tiền bằng chữ (Total in words):

Hình thức thanh toán (Form of Payment):

Người mua hàng (Customer)
(Ký, ghi rõ họ tên - Signature & fullname)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên - Signature & fullname)